

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm và ông Trịnh Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1996, địa chỉ: Tổ 39, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Thái Lê Nhật N, sinh năm 1996, địa chỉ: Bàu Trảng 7, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 20 tháng 5 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Thái Lê Nhật N đăng ký kết hôn ngày 04/01/2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm và cách sống cũng khác nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tôi không thể duy trì cuộc hôn nhân này. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Thái Lê Nhật N.

- *Về con chung*: Tôi và ông Thái Lê Nhật N có 01 con chung là Thái Lê Khánh Toàn, sinh ngày 25/11/2018. Ly hôn, tôi xin được nhận nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

* Bị đơn là ông Thái Lê Nhật N không tham gia các buổi hòa giải, không có mặt tại phiên tòa và không có văn bản phản hồi, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 8 năm 2022 ở địa phương nơi cư trú thể hiện: Bà Lê Thị Thanh T và ông Thái Lê Nhật N là vợ chồng chung sống với nhau tại K02A/31 Bàu Trảng 7, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà T về nhà cha mẹ ruột của bà tại Tổ 39, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn xảy ra tại tổ dân phố chưa hòa giải, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà Lê Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thái Lê Nhật N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà T được ly hôn với ông N. Về con chung: Bà T khai có 01 con chung là Thái Lê Khánh Toàn, sinh ngày 25/11/2018. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thái Lê Nhật N có địa chỉ cư trú tại: K02A/31 Bàu Trảng 7, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là ông Thái Lê Nhật N vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã 02 lần mở phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Thái Lê Nhật N đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Thái Lê Nhật N, lý do là vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm và cách sống cũng khác nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hôn nhân không còn ý nghĩa.

Đối với ông Thái Lê Nhật N: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông N không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà T. Điều này chứng tỏ ông N bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo bà T khai, vợ chồng bà có 01 con chung là Thái Lê Khánh Toàn, sinh ngày 25/11/2018. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Còn ông N thì không tham gia tố tụng tại Tòa án và không có văn bản phản hồi hoặc yêu cầu gì. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con và điều kiện thực tế của mỗi bên. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai và nguyện vọng của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T như đã nêu trên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp quy định tại các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều: 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Thái Lê Nhật N.

- Xử cho bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Thái Lê Nhật N.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thái Lê Khánh Toàn, sinh ngày 25/11/2018. Ông Thái Lê Nhật N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con, hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số 0002772 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng(GCNKH số 03 ngày 04/01/2019)
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân